

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 6 - 2026

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thúy Hà

2. Bà Tạ Thị Mùa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Vân – Thư ký, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên;

Ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên. Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 172/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 18/5/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Sùng A S**. Nơi ĐKKHKT: Bản H, xã N, tỉnh Điện Biên; Nơi ở hiện nay: Bản P, xã M, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà **Vàng Thị I**. Địa chỉ: Bản P, xã M, tỉnh Điện Biên. (Có mặt)

Người phiên dịch cho bị đơn: Ông **Sùng A X**; sinh năm: 1960; địa chỉ: Bản H, phường Đ, tỉnh Điện Biên (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/02/2026, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:*

- Về hôn nhân: Khoảng năm 1999, ông S và bà I quen biết, tìm hiểu và phát sinh quan hệ tình cảm yêu đương. Được sự nhất trí của hai bên gia đình đã tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương để ra mắt người thân, họ hàng hai bên gia đình. Ngày 15/3/2011 ông S và bà I đã đến đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M (nay là xã N), tỉnh Điện Biên. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc. Từ khi trở thành vợ chồng, ông bà sống hạnh

phúc, không có gì mâu thuẫn với nhau. Tuy nhiên, đến đầu năm 2025 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong lối sống sinh hoạt hàng ngày vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã chửi bới nhau, không ai nghe ai, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2025 cho đến nay. Hiện vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không còn tình cảm gì nữa. Do tình cảm rạn nứt, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông S yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Sùng Thị D - sinh ngày 14/02/2001 và Sùng A V - sinh ngày 20/12/2004. Do các con đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động, cháu D đã xây dựng gia đình riêng nên ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như bà I trình bày tại phiên tòa.

2. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không trả lời thông báo thụ lý vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại phiên tòa bị đơn có ý kiến:

- Về hôn nhân: Nhất trí về việc năm 1999, ông S và bà I quen biết, tìm hiểu và phát sinh quan hệ tình cảm yêu đương. Được sự nhất trí của hai bên gia đình đã tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương để ra mắt người thân, họ hàng hai bên gia đình. Ngày 15/3/2011 ông S và bà I đã đến đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M (nay là xã N), tỉnh Điện Biên. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc. Từ khi trở thành vợ chồng, ông bà sống hạnh phúc, không có gì mâu thuẫn với nhau. Tuy nhiên, đến đầu năm 2025 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính không phải do như ông S nói mà là do ông S ngoại tình, đã cam kết với gia đình nhưng không thay đổi. Bà I vẫn có thể tha thứ để vợ chồng đoàn tụ, nhưng do ông S vẫn kiên quyết ly hôn nên bà nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Nhất trí với lời khai của ông S về việc vợ chồng có 02 con chung là Sùng Thị D - sinh ngày 14/02/2001 và Sùng A V - sinh ngày 20/12/2004. Do các con đã đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động nên bà I không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Do các bên đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà chỉ yêu cầu ông S sẽ thực hiện đúng các cam kết giữa hai bên.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình xem xét tài liệu, chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn có nơi cư trú tại xã M, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện:

Ông Say và bà Ía kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M (nay là xã N), tỉnh Điện Biên vào ngày 15/3/2011 là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn: Qua lời khai của các đương sự, thấy rằng trong quá trình chung sống, từ năm 2025 đến nay ông S, bà I xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do ông S có mối quan hệ với người phụ nữ khác, hiện vợ chồng đã sống ly thân.

Do đó có căn cứ về việc ông S, bà I không có tình nghĩa vợ chồng, không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện và giải quyết cho ông S được ly hôn với bà I.

[2.2] Về con chung: Ông S, bà I thống nhất vợ chồng có 02 con chung là Sùng Thị D - sinh ngày 14/02/2001 và Sùng A V - sinh ngày 20/12/2004. Do các con đã đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, ý kiến về con chung của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Do đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Do các đương sự khai không có nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do nguyên đơn là đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Sùng A S.

1. Về hôn nhân: Ông Sùng A S được ly hôn với bà Vàng Thị I.

2. Về con chung: Ông S, bà I có 02 con chung là Sùng Thị D - sinh ngày 14/02/2001 và Sùng A V - sinh ngày 20/12/2004. Do các con đã đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Sùng A S.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/6/2026).

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 - ĐB;
- Những người tham gia tố tụng;
- THADS tỉnh ĐB;
- Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- UBND xã N, tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ